

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

THEO ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH XÂY
DỰNG VÙNG HUYỆN THUẬN BẮC, TỈNH NINH THUẬN ĐẾN
NĂM 2030 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt số/QĐ-UBND
ngàythángnăm 2024 của UBND tỉnh)

Huyện Thuận Bắc, năm 2024

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

**Theo đề án Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc,
tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050**

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CHỦ TỊCH
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH THUẬN	GIÁM ĐỐC
CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC	CHỦ TỊCH
CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN THUẬN BẮC	TRƯỞNG PHÒNG
CƠ QUAN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP	TL TỔNG GIÁM ĐỐC GD. TT QUY HOẠCH KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ HẠ TẦNG KTS. NGUYỄN QUỐC THÁI

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

(Dự thảo)

**Theo đồ án Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh
Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND
ngày.....tháng.....năm..... của UBND tỉnh Ninh Thuận)*

PHẦN I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này hướng dẫn việc quản lý, phát triển, quy hoạch các đô thị, nông thôn, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo đồ án Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030 đã được phê duyệt.

2. Quy định này áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý phát triển đô thị, đầu tư xây dựng, cải tạo chỉnh trang đô thị trên địa bàn huyện Thuận Bắc đảm bảo đúng theo đồ án Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc được phê duyệt.

3. Quy định này để làm căn cứ xác lập nhiệm vụ và nội dung đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn trên địa bàn huyện Thuận Bắc.

Điều 2. Nguyên tắc lập quy định quản lý

Quy định quản lý theo đồ án Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050, được lập trên cơ sở nội dung đồ án Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050, đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số/QĐ-UBND ngày .../.../.....

Nội dung Quy định quản lý được tuân thủ theo quy định tại Điều 9, Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi Quy định này phải do cấp có thẩm quyền quyết định trên cơ sở phù hợp với các quy định của Pháp luật và các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ngoài những quy định nêu trong Quy định này, việc quản lý quy hoạch, xây dựng còn phải tuân thủ các quy định khác của Pháp luật có liên quan.

PHẦN II QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

Điều 3. Phạm vi, ranh giới vùng quản lý:

1. Phạm vi vùng quản lý:

- Phạm vi lập quy hoạch vùng huyện nằm trong phạm vi ranh giới toàn huyện Thuận Bắc, bao gồm 6 xã (Phước Chiến, Phước Kháng, Bắc Phong, Bắc Sơn, Công Hải, Lợi Hải), ranh giới cụ thể như sau:
 - + Phía Đông Bắc : giáp Biển Đông
 - + Phía Tây : giáp huyện Bác Ái
 - + Phía Đông và Nam : giáp huyện Ninh Hải
 - + Phía Bắc : giáp thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

2. Quy mô:

- Vùng huyện Thuận Bắc có tổng diện tích tự nhiên là **323,7947 km²** (32.379,47ha).
- Quy mô dân số:
 - + Dân số năm 2023: khoảng 43.907 người.
 - + Dân số dự báo đến năm 2025: khoảng 47.000 người.
 - + Dân số dự báo đến năm 2030: khoảng 55.000 người.

Điều 4. Mục tiêu, tính chất vùng:

1. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa nội dung Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050; Điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận và huyện Thuận Bắc, Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, nhằm tạo điều kiện thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế của tỉnh và huyện một cách hiệu quả, phấn đấu đạt chuẩn huyện nông thôn mới ở giai đoạn tiếp theo.
- Điều chỉnh giai đoạn hình thành và phát triển hệ thống đô thị - nông thôn, hạ tầng kỹ thuật trong vùng huyện Thuận Bắc, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.
- Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế, phát huy tiềm năng và nguồn lực của huyện Thuận Bắc, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường phát triển bền vững;
- Lựa chọn mô hình phát triển. Định hướng tổ chức không gian vùng như không gian xây dựng đô thị, nông thôn, không gian công nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, không gian cảnh quan, ... trong đó xác định các vùng động lực phát triển kinh tế- xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế- xã hội theo hướng cân bằng và bền vững.
- Điều chỉnh định hướng quy hoạch sử dụng đất toàn huyện đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050;
- Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc sẽ giúp địa phương tập trung khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của huyện, góp phần đẩy mạnh tốc độ phát

triển kinh tế xã hội, tạo lập môi trường sống tốt, đáp ứng các nhu cầu vật chất, tinh thần của nhân dân, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững giữa đô thị và nông thôn.

- Xác định khung hạ tầng kỹ thuật diện rộng, làm cơ sở cho việc kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp tỉnh đi qua địa bàn huyện và lựa chọn quỹ đất hợp lý để phát triển đô thị, khu phát triển nông nghiệp, khu công nghiệp, khu du lịch và các khu chức năng khác trong vùng huyện.
- Làm cơ sở để chỉ đạo các ngành, các cấp chính quyền trong việc lập các dự án quy hoạch chuyên ngành, lập các chuyên ngành đầu tư và hoạch định chính sách phát triển, quản lý đô thị, các khu dân cư nông thôn, các khu cụm công nghiệp, khu du lịch và hệ thống các công trình chuyên ngành vùng huyện phát triển hài hòa và bền vững;
- Làm công cụ quản lý phát triển kiểm soát không gian toàn vùng và tạo cơ hội đầu tư.

2. Tính chất:

- Là cửa ngõ giao thương phía Bắc của tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Khánh Hòa;
- Là vùng phát triển kinh tế biển, kinh tế đô thị, khai thác lợi thế nút giao với đường cao tốc Bắc Nam phía Đông;
- Là trung tâm công nghiệp, năng lượng tái tạo phía Bắc của Tỉnh;
- Là vùng phát triển lâm nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp, du lịch sinh thái rừng – hồ cảnh quan, là vùng có đa dạng sinh học cao với khu dự trữ sinh quyển Núi Chúa;
- Có vai trò quan trọng trong chiến lược an ninh quốc phòng.

Điều 5. Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế

1. Mô hình phát triển:

- Trên cơ sở điều kiện tự nhiên, hiện trạng, tổ chức tổng thể không gian vùng huyện theo mô hình 01 đô thị trung tâm cùng với hệ thống các trục vành đai phát triển. Trong đó:
 - + Lấy đô thị Lợi Hải làm hạt nhân phát triển không gian lan tỏa ra các xã lân cận tạo động lực phát triển cho nội vùng. Đô thị Lợi Hải có tính chất là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế-xã hội, đô thị hậu cần cho phát triển công nghiệp (gồm nhà ở công nhân và các chức năng khác phục vụ cho nhu cầu ở và làm việc của người lao động làm việc tại các khu, cụm công nghiệp trong huyện) và thương mại dịch vụ.
 - + Các trục đường liên kết chính gồm Quốc lộ 1 hiện hữu, đường cao tốc Bắc - Nam, đường tỉnh 706 và hệ thống các trục đường tỉnh, đường huyện, liên kết vùng Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm và vùng huyện Ninh Hải, Bác Ái.

2. Tổ chức phân vùng kinh tế:

Toàn huyện phân thành 03 vùng kinh tế:

- Cơ sở phân vùng: Dựa trên khả năng kết nối vùng thông qua các tuyến giao thông chính, chia theo ranh giới hành chính xã, mỗi tiểu vùng gồm 2 xã với 01 đô thị trung tâm và 2 trung tâm cụm xã tạo động lực thúc đẩy các xã lân cận phát triển.
- Liên kết vùng: 3 vùng kinh tế kết nối với nhau qua QL1 theo hướng Bắc - Nam. Kết nối nội vùng qua tỉnh lộ 706, đường huyện 41 và đường tỉnh 702B.

- Các phân vùng: 03 phân vùng kinh tế gồm: (1) Tiểu vùng trung tâm gồm xã Lợi Hải và xã Phước Kháng; (2) Tiểu vùng phía Bắc: gồm xã Phước Chiến và xã Công Hải; (3) Tiểu vùng phía Nam: gồm xã Bắc Phong và xã Bắc Sơn.
- Trung tâm tiểu vùng: (1) Tiểu vùng trung tâm là Đô thị Lợi Hải; (2) Tiểu vùng phía Bắc là Trung tâm cụm xã Công Hải; (3) Tiểu vùng phía Nam là Trung tâm cụm xã Bắc Phong.
- Tính chất các tiểu vùng:
 - + Tiểu vùng trung tâm: Phát triển kinh tế đô thị - là khu vực trung tâm huyện Thuận Bắc, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục đô thị. Là trung tâm dịch vụ, thương mại kết hợp phát triển công nghiệp, khai thác lợi thế nút giao với đường cao tốc Bắc Nam phía Đông. Có vai trò quan trọng trong chiến lược an ninh quốc phòng.
 - + Tiểu vùng phía Bắc: Là cửa ngõ giao thương phía Bắc của tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Khánh Hòa; phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp sạch; là vùng du lịch trọng điểm phía Bắc, phát triển kinh tế biển, phát triển du lịch chất lượng cao với Bình Tiên là trọng tâm, du lịch sinh thái rừng – hồ cảnh quan.
 - + Tiểu vùng phía Nam: Vùng công nghiệp - năng lượng tái tạo, phát huy mô hình nông - lâm nghiệp kết hợp kinh tế trang trại, là vùng có đa dạng sinh học cao với khu dự trữ sinh quyển Núi Chúa

3. Cấu trúc không gian vùng:

3.1. Cấu trúc lưu thông:

Khung phát triển vùng huyện Thuận Bắc gắn liền với các trục hành lang kinh tế của tỉnh Ninh Thuận, bao gồm các trục hành lang kinh tế đô thị cấp Quốc gia, Quốc tế như sau:

- Trục cao tốc Bắc – Nam (đã hoàn thiện và đưa vào vận hành), Quốc lộ 1 (cũng là đường xuyên Á AH1), đường sắt Bắc – Nam xuyên Việt hiện hữu và đường sắt tốc độ cao (dự kiến): liên kết vùng huyện Thuận Bắc với các vùng kinh tế trong và ngoài tỉnh, mối liên hệ trực tiếp với tỉnh Khánh Hòa và vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ.
- Trục hành lang kinh tế đô thị quốc gia (đường ven biển): tuyến đường kinh tế ven biển kết nối các khu du lịch, công nghiệp, cảng biển... trong tỉnh Ninh Thuận và vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ.
- Trục đường tỉnh 706: đi qua xã Phước Chiến, kết nối trung tâm huyện với Quốc lộ 27B đi Bác Ái – Ninh Sơn và Thành phố Đà Lạt (Lâm Đồng).
- Trục hành lang kinh tế - đô thị nội vùng:
 - + Đường tỉnh 702B kết nối từ đường ven biển đi qua xã Bắc Sơn, xã Bắc Phong đến xã Phước Trung huyện Bác Ái.
 - + Đường huyện ĐH41 kết nối với đường huyện ĐH44 đi từ xã Phước Kháng qua xã Bắc Phong đến đường Quốc lộ 1.
 - + Đường huyện ĐH45 kết nối với đường huyện ĐH46 đi từ trung tâm đô thị Lợi Hải qua xã Công Hải đến đường tỉnh 706.
 - + Đường huyện ĐH43 kết nối từ đường tỉnh 702B đi trung tâm thôn Xóm Bằng xã Bắc Sơn.
 - + Các trục đường xã, thôn kết nối các khu dân cư với các trung tâm các xã.

3.2. Cấu trúc không gian các vùng đô thị - công nghiệp tập trung:

- Đô thị Lợi Hải là trung tâm vùng huyện, là đô thị hạt nhân phát triển với tính chất là trung tâm công nghiệp, thương mại dịch vụ, điện năng lượng tái tạo phía Bắc của tỉnh Ninh Thuận.
- Hình thành trung tâm cụm xã Công Hải và trung tâm cụm xã Bắc Phong trên trục hành lang kinh tế đô thị quốc gia Quốc lộ 1A.
- Vùng khu công nghiệp Du Long, cụm công nghiệp Lợi Hải 1, cụm công nghiệp Lợi Hải 2 và các nhà máy phong điện.

3.3. Cấu trúc không gian vùng cảnh quan và không gian mở:

- Vùng bảo tồn thiên nhiên vườn quốc gia Núi Chúa, vùng rừng cảnh quan, rừng phòng hộ, rừng sản xuất với địa hình núi cao cấu trúc thành không gian đặc trưng phân bố phía Đông và Tây huyện Thuận Bắc, hình thành nên không gian đô thị ở khu vực đồng bằng, gò đồi trung tâm huyện.
- Vùng cảnh quan bao gồm các vành đai cây xanh (khu vực phát triển nông nghiệp công nghệ cao, khu vực phát triển điện gió, không gian xanh cảnh quan) bao quanh đô thị trung tâm và dọc 2 bên các trục đường đô thị.
- Khu vực hành lang bảo vệ dọc 2 bên các hệ thống hồ, sông, suối trên địa bàn huyện là các vùng không gian mở với hệ thống mặt nước, cây xanh cảnh quan, tạo bản sắc đặc trưng cho Thuận Bắc. Điển hình như cảnh quan Hồ Bà Râu, Hồ Sông Trâu, Hồ Ma Trai, Suối Bà Râu,.....
- Các vùng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và vùng nuôi trồng thủy sản, gắn kết với các vùng cảnh quan và không gian mở tạo thành vùng cảnh quan nông nghiệp của huyện.

4. Xác định các phân vùng quản lý kiểm soát xây dựng:

4.1. Vùng phát triển xây dựng:

- Bao gồm khu vực đô thị Lợi Hải và các điểm dân cư nông thôn thuộc các xã Phước Chiến, Phước Kháng, Bắc Phong, Bắc Sơn, Lợi Hải, Công Hải.

4.2. Các khu vực bảo tồn, bảo vệ cảnh quan, kiểm soát đặc biệt, hạn chế phát triển:

- Các khu vực bảo tồn gồm các khu vực sau:
 - + Di tích cấp Quốc gia Đặc biệt tháp Hòa Lai thuộc xã Bắc Phong, huyện Thuận Bắc được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng di tích cấp quốc gia đặc biệt theo Quyết định số 2499/QĐ-TTg ngày 22/12/2016. Công trình được xây dựng vào khoảng thế kỷ VIII - IX, mang phong cách kiến trúc nghệ thuật độc đáo.
 - + Các khu di tích văn hóa lịch sử quan trọng như: Khu Đình Hiệp Kiết, Khu tập trung Bà Râu, Đình Mỹ Nhơn cần xác định các giá trị và quy định ranh giới bảo tồn làm cơ sở định hướng cho hoạt động xây dựng, bảo vệ di tích theo Luật Di sản.
 - + Vườn quốc gia Núi Chúa (huyện Thuận Bắc và huyện Ninh Hải): Bảo tồn và phát triển tính đa dạng sinh học của hệ sinh thái rừng và các loài động, thực vật quý hiếm, phục hồi sinh thái rừng, phòng cháy chữa cháy rừng. Gắn với phát triển du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học và tham quan phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội trên

địa bàn vùng đệm xã Công Hải, Lợi Hải (huyện Thuận Bắc); Vĩnh Hải, Tri Hải, Nhơn Hải và Phương Hải (huyện Ninh Hải).

- Các khu vực bảo vệ cảnh quan gồm các khu vực sau:
 - + Khu vực vùng đệm dọc hai bờ Sông Trâu, suối Bà Râu, suối Sừng Trâu, suối Ba Hồ, hồ Sông Trâu, hồ Ba Tri, hồ Ma Trai và hồ Bà Râu, các công trình thủy lợi: là vùng sinh thái cảnh quan và phòng chống lũ lụt ven sông cần được bảo vệ, hạn chế, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động xây dựng. Khai thác các hoạt động vui chơi giải trí phục vụ cộng đồng.
 - + Khu vực rừng tự nhiên, rừng phòng hộ: là khu vực cảnh quan có giá trị, hạn chế tối đa việc chuyển đổi rừng phòng hộ. Không tác động vào khu vực rừng tự nhiên, bảo vệ, phát triển gắn với các dự án quy hoạch du lịch, khai thác các không gian cảnh quan sinh thái tự nhiên cho hoạt động cộng đồng.
- Khu vực an ninh quốc phòng: Không chuyển đổi mục đích sử dụng các quỹ đất an ninh quốc phòng. Việc xây dựng tại các khu vực này và vùng phụ cận cần thỏa thuận với các cơ quan quản lý có liên quan theo quy định.
- Xây dựng công trình, kết cấu hạ tầng trong khu vực sản xuất nông nghiệp cần phải được thỏa thuận quy hoạch kiến trúc để đảm bảo không gian cảnh quan chung của vùng nông thôn.

4.3. Vùng cấm xây dựng:

- Kiểm soát và cấm mọi hoạt động xây dựng xâm phạm hành lang bảo vệ vùng thoát lũ, hành lang bảo vệ di tích văn hóa lịch sử, hành lang bảo vệ an toàn các tuyến hạ tầng kỹ thuật (như vành đai bảo vệ hai bên tuyến đường Quốc lộ 1, đường cao tốc Bắc – Nam, đường sắt Bắc – Nam, ...), hành lang dự trữ phát triển các tuyến hạ tầng (như vành đai bảo vệ hai bên tuyến đường đường sắt tốc độ cao dự kiến, hành lang 2 bên tuyến đường nối vào cao tốc Bắc – Nam, ...), vùng cảnh quan sinh thái.

Điều 6. Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn

1. Quy định về hệ thống đô thị:

- Phát triển đô thị trên cơ sở cân đối nguồn lực, tập trung nâng cao chất lượng sống. Phát triển đô thị lồng ghép biến đổi khí hậu, phát triển đô thị làm động lực phát triển vùng.
 - Định hướng toàn huyện Thuận Bắc chỉ có 1 đô thị là đô thị Lợi Hải:
 - + Giai đoạn 2021 – 2025, phát triển Lợi Hải cơ bản đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.
 - + Giai đoạn đến năm 2030, đô thị Lợi Hải đạt tiêu chí đô thị loại V và trở thành thị trấn huyện lỵ của huyện Thuận Bắc.
 - + Giai đoạn đến năm 2050: cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại IV.
- ❖ Định hướng Đô thị Lợi Hải:
- Quy mô: 589,08ha.
 - Dự báo dân số đô thị và tỷ lệ đô thị hóa: Năm 2025 dân số đô thị khoảng 11.635 người, tỷ lệ đô thị hóa 25,0%. Năm 2030 dân số đô thị khoảng 18.037 người, tỷ lệ đô thị hóa 32,7%.

- Tính chất và chức năng đô thị: Là đô thị huyện lỵ, trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật của huyện Thuận Bắc; Là đô thị hạt nhân - trung tâm tiểu vùng phía Bắc của tỉnh Ninh Thuận, đô thị phía Bắc thuộc vùng phụ cận thành phố Phan Rang Tháp Chàm; Là đô thị dịch vụ cho công nghiệp (dịch vụ sản xuất, nhà ở công nhân, ...) và thương mại dịch vụ; Là đô thị cửa ngõ quan trọng trên tuyến hành lang phát triển dọc Quốc lộ 1A thuộc tỉnh Ninh Thuận.
- Động lực phát triển đô thị Lợi Hải: Đầu mối giao thông, giao lưu kết nối liên vùng do vị trí địa lý thuận lợi mang lại; Đầu mối kinh tế chính của huyện Thuận Bắc với dịch vụ - công nghiệp là thế mạnh, trong đó Khu công nghiệp Du Long và cụm công nghiệp Lợi Hải 2 là động lực kinh tế chính cho sự phát triển của đô thị Lợi Hải; Trung tâm chính trị, văn hóa xã hội với vai trò là cực tăng trưởng và đô thị vệ tinh phía Bắc của Tỉnh.
- Định hướng phát triển không gian:
 - + Phát triển khu đô thị mới phục vụ cho lao động (công nhân, chuyên gia ...) làm việc tại KCN Du Long và CCN Lợi Hải 2, với đầy đủ hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật được kết nối tốt.
 - + Các khu dân cư hiện hữu được cải tạo chỉnh trang, hạn chế tác động.
 - + Phát triển thương mại dịch vụ, hỗn hợp dọc các trục chính đô thị, làm động lực để thu hút đầu tư và phát triển đô thị, tạo điểm nhấn đô thị.
 - + Phát triển cảnh quan đô thị gắn với cây xanh – mặt nước, đặc biệt là suối Bà Râu, suối Kiền Kiền được khai thác hợp lý, vừa tạo cảnh quan, vừa chống ngập cho đô thị.

2. Định hướng tổ chức hệ thống dân cư nông thôn:

- Quy mô dân số nông thôn: Giai đoạn đến năm 2025: khoảng 34.000 - 35.000 người; Giai đoạn đến 2030: khoảng 37.000 – 38.000 người.
- Định hướng phát triển: Theo Nghị quyết số 10/NQ-HU ngày 31/03/2022 của Huyện Ủy huyện Thuận Bắc về việc tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2025, định hướng đến năm 2030:
 - + Phấn đấu đến năm 2025: xã Bắc Sơn đạt chuẩn xã nông thôn mới, nâng tổng số lên 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới; xã Bắc Phong đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao; toàn huyện có 26 thôn đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có từ 1 - 2 thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và có 60% số thôn thuộc các xã đặc biệt khó khăn được công nhận nông thôn mới.
 - + Định hướng đến năm 2030: phấn đấu xã Phước Kháng, Phước Chiến đạt chuẩn nông thôn mới; xã Công Hải đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; toàn huyện có 30 thôn đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có từ 2 - 3 thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và có 65% số thôn thuộc các xã đặc biệt khó khăn được công nhận nông thôn mới.
- Phân bố không gian các trung tâm xã, cụm xã:
 - + Trung tâm xã: Giữ nguyên mô hình các trung tâm xã như hiện nay.

- + Trung tâm cụm xã: Huyện Thuận Bắc định hướng hình thành 02 trung tâm cụm xã là Bắc Phong (là trung tâm cụm xã của các xã Bắc Phong, Bắc Sơn) và Công Hải (là trung tâm cụm xã của các xã Công Hải, Phước Chiển).
- + Xã Phước Kháng: là vùng nông thôn thuộc tiểu vùng trung tâm với đô thị Lợi Hải là trung tâm vùng.

Điều 7. Định hướng quy hoạch phát triển không gian các ngành kinh tế

1. Phân bố các vùng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

- Vùng phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp (xã Lợi Hải, xã Công Hải, xã Phước Chiển): Tập trung nguồn lực hoàn thành hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Du Long (407,28 ha), đến năm 2030 tỷ lệ lấp đầy đạt 100%. Định hướng thành lập CCN Lợi Hải 1 (15,58 ha) và CCN Lợi Hải 2 (33,42 ha). Mở rộng quy mô sản xuất các cơ sở công nghiệp hiện có, tăng sản lượng khai thác và chế biến VLXD, chế biến rác sản xuất phân hữu cơ, phát triển nhanh tiểu thủ công nghiệp nông thôn.
- Vùng phát triển công nghiệp năng lượng phía Nam (xã Bắc Phong, xã Bắc Sơn): Có các nhà máy điện gió: Nhà máy điện gió Trung Nam (là tổ hợp năng lượng tái tạo điện mặt trời và điện gió lớn nhất và duy nhất tại Việt Nam và Đông Nam Á), Dự án nhà máy điện gió Habaram (công suất 93 MW) là 01 trong 05 dự án trên bờ trong tỉnh Ninh Thuận đủ điều kiện triển khai, với vị trí tiếp giáp với hồ Lợi Hải.

2. Phân bố các vùng du lịch, vùng cảnh quan, bảo tồn thiên nhiên

- Cụm du lịch Bình Tiên - Núi Chúa: Khu du lịch Bình Tiên, khu du lịch sinh thái cao cấp Núi Chúa,... phát triển kết hợp du lịch núi và du lịch sinh thái rừng, tổ chức liên kết tuyến du lịch “lên rừng - xuống biển” đặc trưng, gắn liền với thiên nhiên ở huyện Thuận Bắc.
- Cụm du lịch hồ Sông Trâu - Ma Trai: Hình thành khu du lịch sinh thái rừng tự nhiên đồng thời kết hợp khu du lịch vui chơi nghỉ dưỡng đặc biệt của vùng phía Bắc tỉnh Ninh Thuận. Gắn kết với vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao xung quanh hồ và bình nguyên Ma Trai, phát triển du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, chơi golf, vui chơi giải trí, tìm hiểu nền văn hóa dân tộc Raglai.
- Giai đoạn sau năm 2030, triển khai Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu, giai đoạn 2021 - 2030 với các loại hình du lịch: du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch chăm sóc sức khỏe, du lịch khám phá thiên nhiên, du lịch hội nghị, hội thảo, ...; Triển khai Đề án phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí trong Vườn Quốc gia Núi Chúa giai đoạn 2020 - 2030 với các loại hình du lịch: Du lịch sinh thái; du lịch biển; du lịch thể thao, mạo hiểm; du lịch nghỉ dưỡng; du lịch chuyên đề; du lịch văn hóa lịch sử; du lịch thám hiểm,....

3. Phân bố các vùng nông – lâm nghiệp:

- Hình thành các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp chuyên môn hóa cao, các loại cây trồng, vật nuôi có lợi thế của huyện; các vùng chăn nuôi gia súc tập trung gắn với công nghiệp chế biến, cung cấp sản phẩm sạch cho địa phương.

- Tập trung phát triển vùng sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao tại một số khu vực trạm bơm, phối hợp với Tỉnh xây dựng mô hình nông nghiệp công nghệ cao theo quy hoạch (quy mô khoảng 200 ha tại khu vực trạm bơm Lợi Hải).
- Trồng rừng, tăng độ che phủ rừng và bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên.

Điều 8. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội mang tính chất vùng, liên vùng

1. Hệ thống công trình trung tâm Hành chính chính trị:

- Tập trung phát triển Khu đô thị trung tâm (đô thị Lợi Hải). Khai thác sử dụng đất các khu vực đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết; Chính trang nâng cấp các khu dân cư hiện trạng, để phù hợp với định hướng phát triển chung của đô thị, ưu tiên tập trung nâng cấp các công trình hạ tầng và các không gian công cộng.
- Huy động tổng hợp và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển đô thị. Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư phát triển đô thị; cân đối, bố trí hợp lý các nguồn thu từ kinh tế, dịch vụ, đất đai để xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi công cộng.
- Định hướng tổ chức các hệ thống công trình công cộng phù hợp tại hệ thống các trung tâm xã, trung tâm cụm xã, từng bước nâng cao đời sống và đáp ứng nhu cầu người dân, xóa khoảng cách giữa đô thị và nông thôn.

2. Hệ thống giáo dục đào tạo:

- Định hướng hệ thống giáo dục đào tạo đến năm 2030:
 - + Cấp tỉnh (Sở Lao động TB&XH): Duy trì 01 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Huyện.
 - + Cấp đô thị: gồm 03 trường THPT, trong đó 01 trường THPT Phan Bội Châu hiện hữu (cho đô thị Lợi Hải và xã Phước Kháng); 01 trường THPT xây mới tại trung tâm cụm xã Công Hải (phục vụ cho xã Công Hải và Phước Chiến); 01 trường THPT xây mới tại trung tâm cụm xã Bắc Phong (phục vụ cho xã Bắc Phong và Bắc Sơn).
 - + Tại mỗi trung tâm xã đảm bảo bố trí đầy đủ trường THCS, trường tiểu học, trường mầm non đáp ứng quy mô dân số từng xã đến năm 2030 và tuân theo QCVN 01:2021/BXD.
- Định hướng hệ thống giáo dục đào tạo tầm nhìn đến năm 2050:
 - + Cấp huyện: 02 trung tâm đào tạo giáo dục gồm 01 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Huyện và 01 trung tâm đào tạo lái xe huyện.
 - + Cấp đô thị: Toàn huyện có 04 trường THPT, gồm 03 trường hiện hữu và 01 trường THPT tư thục mới tại đô thị Lợi Hải đáp ứng cho nhu cầu gia tăng dân số tại đô thị.
 - + Đầu tư phát triển hệ thống các trường THCS, trường tiểu học, trường mầm non đáp ứng đủ nhu cầu quy mô dân số tại các trung tâm xã trong huyện.

3. Hệ thống công trình y tế:

- Phần đầu đến năm 2025 giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn 21%; duy trì 100% xã đạt tiêu chí Quốc gia về y tế.
- Giai đoạn đến năm 2030, huyện Thuận Bắc phát triển mạng lưới y tế hiện đại, trở thành trung tâm cấp tiểu vùng tỉnh. Quy hoạch quỹ đất cho Dự án “Đầu tư xây dựng và Phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở” thuộc Dự án thành phần tỉnh Ninh Thuận trên địa bàn huyện Thuận Bắc. Quy hoạch nâng cấp, cải tạo, mở rộng quy mô Trung tâm y tế huyện Thuận Bắc hiện hữu, tăng công suất giường hiện nay lên 70 giường năm 2030. Mua sắm trang thiết bị vật tư y tế hiện đại.

4. Hệ thống công trình văn hóa – thể dục thể thao:

- Giai đoạn 2021-2025, lắp đặt các dụng cụ thể dục, thể thao ngoài trời tại các địa điểm công cộng, công viên, nhà văn hóa, khu sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn huyện.
- Giai đoạn 2026-2030:
 - + Xây dựng sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi cho huyện Thuận Bắc. Xây mới Trung tâm văn hóa - Thể thao huyện Thuận Bắc.
 - + Tiếp tục nâng cấp và xây dựng mới các công trình văn hóa – thể thao cấp đô thị, cấp xã: nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng, thư viện, đài phát thanh, sân thể thao, ...
 - + Kêu gọi thu hút đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, sân thể thao phục vụ cho nhu cầu công nhân, chuyên gia làm việc tại KCN Du Long.
 - + Sân golf khu vực hồ Ma Trai, hồ Sông Trâu: Khuyến khích thu hút đầu tư xây dựng một số tổ hợp dịch vụ gắn với sân tập golf, các môn thể thao có thể mạnh phục vụ tập luyện của người dân trên địa bàn huyện.
 - + Chỉnh trang, tôn tạo các công trình Đài tưởng niệm Liệt sĩ ở đô thị và các xã. Bảo tồn và phát triển các loại hình văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc, chủ yếu là văn hóa của dân tộc Raglai, Chăm,... kết hợp với các di tích văn hóa lịch sử tạo thành những sản phẩm du lịch văn hóa, lễ hội hấp dẫn.
- Tầm nhìn đến năm 2050, tiếp tục củng cố, nâng cấp và xây hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trọng điểm từ cấp huyện đến cấp xã: hệ thống tượng đài chính, các hệ thống sân chơi, bãi tập... để đáp ứng nhu cầu hưởng thụ về tinh thần và rèn luyện sức khỏe của nhân dân trong tỉnh ngày càng cao.

5. Định hướng các khu vực di tích lịch sử - di sản văn hóa:

- Đối với các di tích trên địa bàn huyện: Thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị nổi bật của các công trình kiến trúc, di sản và cảnh quan môi trường xung quanh; tuân thủ quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, công trình kiến trúc văn hóa đã được phê duyệt.
- Đối với di tích cấp Quốc gia Đặc biệt tháp Hòa Lai: Có kế hoạch bảo tồn cảnh quan văn hóa của di tích tháp Hòa Lai, kêu gọi nguồn vốn đầu tư của Tỉnh, doanh nghiệp và nguồn vốn xã hội hóa để bước đầu thực hiện nâng cấp, mở rộng di tích và xây dựng, vận hành các công trình cung cấp dịch vụ, thông tin nhằm vừa quảng bá hình ảnh đến khách du lịch đi đôi với tạo nguồn thu nhập từ di sản.

- Đối với các di tích cấp Tỉnh: Có kế hoạch nâng cấp, duy tu, bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh như Đình Mỹ Nhơn, Đình Hiệp Kiệt và Khu tập trung Bà Râu nhằm đa dạng hóa điểm đến du lịch và tạo nên nét thu hút về văn hóa, lịch sử và truyền thống tại địa phương.

6. Hệ thống công trình thương mại, chợ:

- Phát triển các trung tâm thương mại, hệ thống siêu thị hiện đại tại các đô thị, trung tâm các xã theo quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch có liên quan. Giai đoạn năm 2030, xây mới 01 siêu thị hạng III thuộc Khu trung tâm hành chính huyện Thuận Bắc, xã Lợi Hải với quy mô khoảng 500 – 1.000 m².
- Quy hoạch hệ thống chợ trên địa bàn huyện đến năm 2030 có 9 chợ, trong đó giữ nguyên 4 chợ, di dời xây mới 1 chợ, nâng cấp 2 chợ, phát triển mới 2 chợ, cụ thể như sau:
 - + Di dời xây mới chợ Công Hải, Thôn Hiệp Kiệt, xã Công Hải, chợ hạng III, quy mô 5.225m².
 - + Nâng cấp 2 chợ hạng III: Chợ Bình Nghĩa tại Thôn Bình Nghĩa, xã Bắc Sơn, quy mô 2.800m²; chợ Ba Tháp tại Thôn Ba Tháp, xã Bắc Phong, quy mô 813m².
 - + Xây mới 02 chợ hạng III: Chợ TT xã Phước Kháng tại Thôn Đá liệt, xã Phước Kháng, quy mô 3.933m²; chợ Láng Me, tại Thôn Láng Me, xã Bắc Sơn, quy mô 3.944,20m².
- Phát triển và đầu tư xây dựng 02 cửa hàng xăng dầu cấp III trên địa bàn huyện Thuận Bắc, vị trí trên TL706 từ xã Công Hải đi lên Phước Chiến, Phước Thành và trên địa bàn xã Phước Kháng, đảm bảo thuận lợi về thủ tục đầu tư, đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn và hiệu quả kinh doanh.

7. Khu vực hỗ trợ kinh tế nông thôn:

- Đề xuất 2 vị trí dự trữ để triển khai Khu chức năng hỗ trợ kinh tế nông thôn trong tương lai. Vị trí nằm tiếp giáp với quốc lộ 1, 01 khu đặt tại xã Công Hải, gần trung tâm cụm xã Công Hải và 01 khu tại xã Bắc Phong, gần trung tâm cụm xã Bắc Phong. Quy mô khoảng 5 – 10ha mỗi khu.
- Ngoài ra, đáp ứng cho nhu cầu hiện tại, đồ án đề xuất hình thành các Điểm chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn được xác lập phân tán, lồng ghép trong các chức năng khác (cụm công nghiệp, khu dịch vụ - thương mại - du lịch, trung tâm hành chính xã...) được xác định trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã. Quy mô khoảng 3 – 5ha mỗi khu.

8. Định hướng các khu vực chức năng khác:

- Về an ninh: Bố trí các công trình hạ tầng phòng cháy chữa cháy tại trung tâm các huyện, khu công nghiệp, các cụm công nghiệp và địa bàn trọng điểm có nguy cơ về cháy nổ, đảm bảo thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc và đáp ứng các quy định hiện hành.
- Về quốc phòng: Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển KTXH với củng cố quốc phòng và bảo đảm an ninh. Bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự, phù hợp với vị trí chiến

lược quan trọng nhằm đảm bảo quốc phòng, an ninh và phục vụ phát triển kinh tế – xã hội; Đảm bảo trật tự kỷ cương trong các hoạt động kinh tế – xã hội.

Điều 9. Quy định về hệ thống hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng

1. Chuẩn bị kỹ thuật:

1.1. Định hướng quy hoạch thủy lợi vùng định hướng đến năm 2030:

- Tiếp tục thi công hệ thống kênh mương dẫn nước từ các hồ thủy lợi, đập dâng để cung cấp nước cho sinh hoạt và tưới tiêu.
- Cải tạo và xây dựng mới các công trình quy hoạch hồ chứa và tưới tiêu theo quy hoạch tỉnh được phê duyệt do Chi cục Thủy Lợi thực hiện:
 - + Hồ Đông Nha (xã Bắc Sơn): với diện tích lưu vực 18km², diện tích tưới tiêu 300ha theo quy hoạch.
 - + Cải tạo nâng cấp Kênh tiêu Suối Tỏi – Gò thao: với diện tích lưu vực 27,7 km², diện tích tưới tiêu 27,7ha.
- Xây dựng Hệ thống tiêu thoát lũ khu Công Nghiệp Du Long: diện tích lưu vực 71,8 km², diện tích tưới tiêu 2.000ha.
- Xây dựng hệ thống kênh, đường ống cấp II và kênh cấp III thuộc hệ thống thủy lợi Sông Cái – Tân Mỹ về các khu vực hồ Bà Râu, hồ Sông Trâu, đoạn qua huyện dài 15,7 km.

1.2. Định hướng quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng đối với các đô thị

- Nền xây dựng: Cao độ khống chế của các đô thị:
 - + Cao độ cốt khống chế tại các đô thị trên địa bàn huyện được xác định căn cứ theo điều kiện cụ thể của từng đô thị về cao độ địa hình tự nhiên, tình hình ngập lụt để tính toán cao độ khống chế nhằm chống ngập lụt và giảm khối lượng đào đắp.
 - + Cao độ khống chế của đô thị Lợi Hải: Đối với Đô thị Lợi Hải có địa hình bằng phẳng cao độ trung bình từ 21 – 40m. Cao độ nền xây dựng Hxd > 21m đảm bảo không bị úng ngập. Phương án san đắp chủ yếu bám theo địa hình, san đắp tập trung cho khu trung tâm đô thị, khu công nghiệp.
- Thoát nước: Toàn huyện có 7 lưu vực lớn gồm :
 - + Lưu vực phía Đông Bắc thoát ra biển và suối nước Ngọt ở khu vực xã Bình Tiên.
 - + Lưu vực suối Đông Nha ở phía Đông.
 - + Lưu vực suối Kiên Kiên.
 - + Lưu vực suối Bà Râu.
 - + Lưu vực suối Đá, Suối Tiên, suối Kẹp.
 - + Lưu vực suối Ba Hồ.
 - + Lưu vực hồ Sông Trâu.
- Đối với các đô thị, mạng lưới thoát nước ở khu trung tâm, trong tương lai cần cải tạo xây dựng hệ thống thoát nước kín bằng cống tròn hoặc mương nắp đan. Trước mắt có thể dùng hệ thống thoát nước chung nhưng từng bước có các biện pháp tách dòng, cuối các miệng xả sẽ có hệ thống cống bao nước bản dẫn về trạm xử lý trước khi đổ vào sông, hồ.

- Các khu vực xây dựng mới, khu vực đô thị mở rộng, khu, cụm CN cần xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn để đảm bảo vệ sinh môi trường.
- Các trung tâm xã tùy theo tình hình kinh tế của từng địa phương có các giải pháp khác nhau để xác định hệ thống thoát nước riêng hay chung.

1.3. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn:

- Nền xây dựng: Đối với các điểm dân cư nông thôn tại các khu vực có địa hình thấp thường xuyên bị ngập lụt cần phải tôn nền vượt lũ nhưng chủ yếu là san lấp cục bộ khu vực xây dựng. Đối với khu vực có địa hình cao không bị ngập lụt chỉ san lấp tạo hướng dốc thoát nước, cân bằng đào đắp tại chỗ.
 - Thoát nước mưa:
 - + Cho phép xây dựng hệ thống thoát nước chung (nước mưa và nước thải sinh hoạt) bằng công, mương nắp đan hoặc mương hở xả ra sông suối. Tuy nhiên nước thải sinh hoạt trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại. Nước thải của các khu vực chuồng trại chăn nuôi tập trung phải thoát riêng và được xử lý trước khi xả ra môi trường.
 - + Tăng cường nạo vét hồ ao, sông suối để tăng khả năng tiêu thoát nước.
 - Các giải pháp phòng chống thiên tai, phòng chống lũ: Do đặc điểm điều kiện tự nhiên và tình hình thời tiết khí hậu nêu ở phần hiện trạng là những yếu tố nguy hiểm đến sản xuất và đời sống người dân và các công trình thủy lợi như: hồ chứa, đập và giao thông khi thời tiết chuyển sang mùa mưa bão vì vậy cần chủ động để phòng chống lũ bão hàng năm, luôn luôn kiểm tra việc thực hiện và triển khai công tác phòng chống bão lụt.
 - Hệ thống dự báo và cảnh báo lũ:
 - + Cần xây dựng hệ thống dự báo và cảnh báo lũ, bão, hiện nay trên một số sông đã có các trạm thủy văn đo mực nước cảnh báo lũ song chưa đầy đủ.
 - + Tại những khu vực thường xảy ra lũ quét, sạt lở sườn núi cần có phương án đề phòng đưa những hộ dân sống gần chân núi ven các sông suối nhỏ đến nơi an toàn đề phòng sự cố xảy ra.
 - Giải pháp hồ chứa thượng lưu và các đập dâng: Hiện nay huyện đã và đang xây dựng được một số đập, hồ chứa nước, trong thời gian tới cần xây dựng thêm một số hồ ở thượng lưu của các sông, suối trong vùng để phòng chống lũ, điều hòa dòng chảy, cung cấp nước cho công nghiệp, nông nghiệp, sinh hoạt trong mùa khô.
 - Trồng cây bảo vệ rừng: Bảo vệ vườn quốc gia Núi Chúa, trồng cây đầu nguồn sông suối là biện pháp hữu hiệu để giữ đất, giữ nước chống xói mòn, sạt lở, làm chậm dòng chảy lũ, chống lũ quét.
 - Các giải pháp khác:
 - Công tác phòng chống xói lở bờ sông, bờ suối, các mái dốc taluy là vấn đề phức tạp và khó khăn có liên quan đến nghiên cứu chế độ dòng chảy, địa chất, vấn đề môi trường.
- Hướng giải quyết:
- + Phát hiện và xử lý kịp thời khi có hiện tượng xói lở bờ sông, suối, đê.
 - + Tuyệt đối không được xây dựng các công trình sát bờ sông, ven các suối khe, các hồ nước có đập tránh làm ảnh hưởng đến công trình.

- + Các sườn núi chân núi, các mái taluy đào, đắp cần có các giải pháp gia cố bảo vệ chống sạt lở.

2. Giao thông:

2.1. Giao thông đường bộ:

a. Giao thông đối ngoại:

- Đường cao tốc Bắc Nam: tuyến đường bộ cao tốc Bắc – Nam chạy qua tỉnh và huyện Thuận Bắc đã hoàn thiện và đang đưa vào khai thác. Định hướng mở rộng cao tốc Bắc Nam từ 4 làn xe lên 6 làn xe trong tương lai (theo quy hoạch tỉnh được phê duyệt và nội dung đề xuất tích hợp số 09 – Nguyên cứu đề xuất phương án phát triển hạ tầng giao thông vận tải tỉnh Ninh Thuận thời kì 2021- 2030 , tầm nhìn đến 2050) .
- Quốc lộ 1A : Tuyến đường Quốc lộ 1A đã hoàn thành theo quy hoạch đã đưa vào khai thác.
- Đường ven biển Hiệp Kiết - Bình Tiên – Vĩnh Hy (ĐT 702): đã hoàn thành tuyến đường với tổng chiều dài khoảng 30km trong đó đoạn qua huyện Thuận Bắc dài khoảng 4,2km.
- Đường vành đai TP. Phan Rang – Tháp Chàm (ĐT 702B): Hoàn thiện xây dựng đường vành đai TP. Phan Rang-Tháp Chàm trên cơ sở nâng cấp và xây dựng mới nối kết với quốc lộ 27, đường ĐT 702, 708 theo quy hoạch. Tuyến đường này đi qua huyện Ninh Hải, Thuận Bắc, Bác Ái, Ninh Sơn và Ninh Phước nhằm liên kết, khai thác quỹ đất sản xuất kém hiệu quả hai bên trục đường để phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ. Đoạn qua huyện Thuận Bắc dài khoảng 9km bao gồm nâng cấp đường Kiên Kiên – Bình Nghĩa và xây dựng mới đường Bắc Sơn – Bắc Phong.
- Tỉnh lộ 706: Chiều dài đoạn qua huyện Thuận Bắc dài 11,8km, nâng cấp đạt tiêu chuẩn cấp IV miền núi, nền đường 7,5m, mặt đường 5,5m, BTXM, cấp phối sỏi đồi.
- Đường tỉnh 704 nối dài: Chiều dài qua huyện là 1,5km, nâng cấp đạt tiêu chuẩn cấp IV miền núi, nền đường 7,5m, trải nhựa.
- Đường tỉnh 703: Đoạn từ cảng cạn Lợi Hải đến Đường tỉnh 705, xây dựng mới tuyến đường tỉnh 703 đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi.

b. Giao thông trong huyện:

b1. Huyện lộ:

- Nâng cấp mở rộng các tuyến đường huyện lộ, đường liên xã, đường xã hiện có, xây dựng mới các tuyến đường, kết nối chặt chẽ với mạng lưới giao thông của tỉnh và quốc gia.
- Các tuyến đường đạt tiêu chuẩn cấp III, IV, được nhựa hóa 100%.
- Đảm bảo mối liên hệ giao thông thuận lợi, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng.
- ĐH. Lợi Hải – Phước Kháng (ĐH.41) :
 - + Đoạn quốc lộ 1A – thôn Ân Đạt : đường đô thị, nền 27m, mặt đường 15m, bê tông nhựa.
 - + Thôn Ân Đạt – UBND xã Phước Kháng : đường cấp III miền núi, nền đường 7,5m, mặt đường 5,5m.

- ĐH. Kiên Kiên – Bình Nghĩa (ĐH.42) : chiều dài qua huyện dài 5,2km, nâng cấp đạt tiêu chuẩn cấp III đồng bằng.
- ĐH. Bình Nghĩa – Xóm Bằng (ĐH 43) : dài 3,5km, nâng cấp thành đường cấp III đồng bằng.
- ĐH. Ba Tháp – Suối Le – Phước Kháng (ĐH.44): dài toàn tuyến 17,5km; cải tạo, nâng cấp, đạt tiêu chuẩn cấp VI miền núi, nền 5,5m, mặt đường BTXM – đường nhựa.
- Đường Trạm Thủy nông – Trại giam (ĐH.45): dài 4,9km, đạt tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi, nền đường rộng 5,0m, mặt đường rộng 3,5m BTXM.
- Đường tỉnh 706 – Bà Râu (ĐH.46): dài 9,4km, đạt tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi, nền đường 7,5m, mặt đường rộng 5,5m BTXM.

b2. Giao thông nông thôn:

- Kế thừa và phát triển mạng lưới đường hiện có phù hợp với nhu cầu giao thông vận tải trước mắt và tương lai, kết nối liên hoàn với hệ thống đường quốc gia, đường tỉnh và đường huyện. Kết hợp với mạng lưới quy hoạch thủy lợi, quy hoạch dân cư và các công trình xây dựng hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.
- Đảm bảo liên hệ thuận tiện với hệ thống đường huyện, đường tỉnh tạo thành mạng lưới đường hoàn chỉnh.
- Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đường giao thông nông thôn. Đầu tư các trục đường liên xã, liên thôn, cứng hóa mặt đường và đồng bộ hóa cầu cống đạt tiêu chuẩn kỹ thuật. Đến năm 2025 có 90 – 100% đường xã, liên xã đạt cấp kỹ thuật (tiêu chuẩn nền và mặt đường nông thôn loại A, B). Bề rộng mặt cắt đường nội bộ trong khu dân cư nông thôn phải đảm bảo $\geq 4m$.
- Đường từ quốc lộ 1A vào khu du lịch Ba Hồ: đường cấp VI, nền đường 6,5m; mặt đường 3,5m, BTXM.
- Đường vào khu du lịch nghỉ dưỡng và khách sạn Ma Trai (Phước Chiên): xây dựng mới đường cấp V miền núi, nền đường 6,5m, mặt đường 3,5m trải nhựa và BTXM.

b3. Giao thông đô thị:

- Phát triển mạng lưới giao thông đô thị, nhựa hóa 100%, đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách, liên hệ thuận lợi trong và ngoài đô thị.
- Quản lý xây dựng hệ thống giao thông đô thị theo đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Lợi Hải.
- Từng bước hoàn chỉnh, đồng bộ hóa các tuyến trục giao thông, nút giao thông, gắn với chỉnh trang đô thị, kết hợp các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm.
- Tỷ lệ đất giao thông đô thị phụ thuộc quy mô cấp hạng của các đô thị nhưng phải đạt được 18-25% quỹ đất xây dựng đô thị.

*** Chỉ tiêu giao thông chính:**

- Tỷ lệ đất giao thông 18-20% đất xây dựng đô thị đối với đô thị loại IV, V.
- Mật độ bình quân đường giao thông (không kể đường khu dân cư) tại khu vực trung tâm 6-8 Km/Km², các khu vực khác 3-5Km/Km².

2.2. Giao thông công cộng:

- Tổ chức các tuyến giao thông công cộng bằng xe bus trên trục quốc lộ 1A.

2.3. Công trình phục vụ giao thông:

- Công trình phục vụ giao thông:
 - + Bến xe Thuận Bắc diện tích 1.500m² nằm tại vị trí phía Nam dọc quốc lộ 1A khu Trung tâm hành chính huyện Thuận Bắc (đổi tên từ bến xe gần Khu công nghiệp Du Long) đóng vai trò đầu mối giao thông quan trọng kết nối giao thông đường bộ huyện Thuận Bắc và các vùng lân cận.
 - + Xây dựng cảng cạn Lợi Hải với chức năng phục vụ cho hàng hóa xuất nhập khẩu tại các khu công nghiệp của tỉnh ở phía Bắc và phân phối hàng hóa nhập khẩu phục vụ tiêu dùng cho khu vực và vùng lân cận. Quy mô quy hoạch đến năm 2030 từ 5-7ha, đến năm 2050 đạt khoảng 20ha. Công suất đến năm 2030 năng lực thông qua cảng đạt 50.000 – 70.000 TUE/năm.

2.4. Giao thông đường sắt:

- Nâng cấp đường sắt Bắc - Nam hiện hữu.
- Phục hồi ga Cà Rôm (Công Hải) thành ga hàng hóa khi ngành công nghiệp, du lịch của huyện phát triển.
- Xây dựng đường sắt cao tốc Bắc – Nam đạt tiêu chuẩn quốc tế (đoạn Nha Trang – TP. Hồ Chí Minh qua huyện).

3. Hệ thống cấp nước:

3.1. Cấp nước cho khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch:

- + Xây dựng Nhà máy nước Lợi Hải công suất 70.000 m³/ngđ cấp nước cho xã Phước Kháng, Lợi Hải và các vùng lân cận. Trong đó phân kỳ đầu từ xây dựng trạm công suất 29.000m³/ngđ cung cấp khu công nghiệp Du Long và các cụm công nghiệp (Theo quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của UBND Tỉnh Bình Thuận về việc chấp thuận chủ trương đầu tư).
- + Nâng công suất Nhà máy nước của công ty CP Ninh Thành Trung Ninh Thuận (nay là Công ty CP H₂O Ninh Thuận lên công suất 10.000 m³/ngđ từ hiện trạng là 6.000 m³/ngđ cấp nước phục vụ sinh hoạt và các dự án khu du lịch Bình Tiên - Vĩnh HY (theo QĐ số: 445/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND Tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Phương án phân vùng cấp nước tại khu vực phía Bắc tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030).

3.2. Cấp nước cho các khu vực nông thôn:

- Định hướng Phân vùng cấp nước:
 - + Cấp nước tập trung: cấp bởi các hồ chứa và đập dâng thông qua các hệ thống đường ống chuyển tải và phân phối.
 - + Cấp nước phân tán: Giếng khoan lắp bơm sử dụng cho những nơi dân cư thưa thớt hoặc quy mô chỉ vài chục gia đình. Tuyệt đối không được khoan các giếng khoan lắp bơm tay ở những vùng tập trung dân cư, nơi có nhiều nguồn gây nhiễm bẩn và xung quanh các nhà máy khai thác nước ngầm cung cấp cho thành phố, khu công nghiệp.
 - + Hệ thống cấp nước thô tạo nguồn dọc Kênh Bắc: nhằm cấp nước thô, có chất lượng cao nhất phục vụ cho các hệ thống cấp nước.

4. Hệ thống cấp năng lượng:

4.1. Nguồn cấp điện cho Huyện là các trạm điện trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

- Nguồn cấp điện cho huyện Thuận Bắc hiện hữu là Trạm 110kV Ninh Hải 2x25MVA và đến năm 2030 có Trạm 110kV Du Long 2x40MVA; Trạm 110kV Thuận Bắc 2x25MVA và Trạm 110kV Bình Tiên 2x25MVA.
- Các nguồn điện đang vận hành trên địa bàn huyện Thuận Bắc:
 - + Nhà máy điện mặt trời Trung Nam – 204 MW;
 - + Nhà máy điện mặt trời Xuân Thiện-Thuận Bắc giai đoạn 1, công suất 125MW;
 - + Nhà máy điện mặt trời Xuân Thiện-Thuận Bắc giai đoạn 2, công suất 75MW;
 - + Nhà máy điện mặt trời Thiên Tân 1.4, công suất 80MW;
 - + Nhà máy điện gió Trung Nam, công suất 151,95MW;
 - + Nhà máy điện gió Lợi Hải 2 29,7MW;
 - + Nhà máy điện gió Hanbaram, công suất 57,6MW;
 - + Nhà máy điện gió Đầm Nại, công suất 5,25MW;
- Các nguồn điện dự kiến đưa vào vận hành đến 2030:
 - + Dự án nhà máy điện gió Công Hải 1 giai đoạn 1, công suất 3MW;
 - + Dự án nhà máy điện gió Công Hải 1 giai đoạn 2, công suất 25MW;
 - + Dự án nhà máy điện gió Đầm Nại 3, công suất 35MW;
 - + Dự án nhà máy điện gió Đầm Nại 4, công suất 27,6MW;
 - + Và các dự án nguồn điện tiềm năng khác khi Quy hoạch phát triển lực Quốc gia điều chỉnh phân bổ cho tỉnh trong thời gian đến trong đó có huyện Thuận Bắc (điện gió, điện mặt trời tự sản, tự tiêu...).
- Các nhà máy điện dự kiến:
 - + Nhà máy thủy điện Tân Mỹ 2 14MW, đặt tại huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.
 - + Nhà máy thủy điện Tân Mỹ 10MW, đặt tại huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.
 - + Nhà máy thủy điện hạ Sông Pha 7,5MW, đặt tại huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

4.2. Hạ tầng lưới điện:

- Lưới 220KV:
 - + Hiện hữu có trạm 220/110kV Tháp Chàm , công suất 2x250MVA. Từ trạm này sẽ có các tuyến 220kV đi Đa Nhim, Cam Ranh.
 - + Các tuyến 220kV dự kiến đi ngang qua địa bàn Huyện:
 - o Trạm 220kV Tháp Chàm – Cam Ranh.
 - o Tuyến 220kV đầu nối từ đường dây Đa Nhim – Nha Trang đến trạm 220/110kV Tháp Chàm.
- Lưới 110KV:
 - + Hiện hữu có trạm 110/22kV Ninh Hải, công suất 2x25MVA. Dài hạn quy hoạch thêm trạm 110/22kV KCN Du Long, công suất 2x40MVA và trạm 110/22kV Thuận Bắc, công suất 2x25MVA. Cải tạo nâng cấp tiết diện đường dây 110kV Đa Nhim – Trạm 220kV Tháp Chàm. Cải tạo nâng cấp tiết diện đường dây 110kV - Trạm 220kV Tháp Chàm – Ninh Hải.
 - + Các tuyến 110kV hiện hữu đi ngang qua địa bàn Huyện:

- Tuyến 110kV Tháp Chàm – Cam Ranh.
- Tuyến 110kV Tháp Chàm – Tuyến 110kV Ninh Hải – Cam Ranh.
- Tuyến trung thế:
 - + Các tuyến trung thế hiện hữu cấp điện cho huyện Thuận Bắc:
 - Tuyến 575 Đô Vinh – Xuân Hải – Lợi Hải – Phước Kháng , từ trạm 110kV Tháp Chàm, dùng dây AC185.
 - Tuyến 476 Đô Vinh – Nhơn Sơn – Mỹ Sơn – Phước Trung , từ trạm 110kV Tháp Chàm, dùng dây AC185.
 - + Dự kiến cải tạo và nâng khả năng truyền tải của các tuyến điện hiện hữu, đồng thời phát triển các tuyến trung thế mới đáp ứng yêu cầu quy hoạch xây dựng trong Huyện.
 - + Yêu cầu kỹ thuật cho các tuyến trung thế:
 - Điện áp chuẩn: 22kV, 3 pha.
 - Đối với trung tâm các đô thị sử dụng mạch vòng vận hành hở.
 - Các tuyến trục từ trạm 110kV ra có chiều dài 15 – 30km, các nhánh chính dài 10 – 20km.
 - Đường dây nổi sử dụng dây nhôm lõi thép (AC) bọc nhựa.
 - Tuyến cáp ngầm dùng cáp XLPE 24kV.
 - Thực hiện các phương thức bù vô công trên lưới để hệ số công suất đạt 0,92 – 0,95.
 - Đa phần các tuyến trung thế là 3 pha. Các tuyến 1 pha chỉ được xây dựng cung cấp điện ánh sáng sinh hoạt cho các cụm dân cư rải rác ở nông thôn hay một số ít phụ tải 1 pha.
 - Sử dụng đường dây hỗn hợp trung hạ thế để giảm vốn đầu tư.
 - Riêng khu vực trung tâm đô thị Lợi Hải, nếu điều kiện kinh tế cho phép thì nên dùng phương thức cáp ngầm.
- Trạm hạ thế:
 - + Cấp điện áp của trạm hạ thế phân phối là 22/0,4kV.
 - + Trong trung tâm các đô thị, các trạm sinh hoạt nên dùng trạm tập trung đặt trong nhà, có dung lượng lớn từ 250kVA trở lên.
 - + Khu vực nông thôn sử dụng trạm có dung lượng nhỏ, đặt trên trụ.
- Lưới hạ thế:
 - + Cấp điện áp chuẩn: 380/220V, 3 pha 4 dây, trung tính nối đất.
 - + Dây dẫn là loại cáp nhôm vặn xoắn (cáp ABC) cho đường dây trên không, và cáp XLPE 1kV ruột đồng cho cáp ngầm.
 - + Bán kính cấp điện của trạm hạ thế không lớn hơn 700 mét ở nông thôn và 300 mét ở các khu dân cư tập trung.
- Lưới điện chiếu sáng:
 - + Cấp điện áp chuẩn: 380/220V, 3 pha 4 dây, trung tính nối đất.

- + Dây dẫn là loại cáp nhôm vặn xoắn (cáp ABC) cho đường dây trên không, và cáp XLPE 1KV ruột đồng hoặc cáp Cu/PVC luồn trong ống PVC chôn trong đất cho các tuyến điện ngầm.
- Đèn chiếu sáng là loại đèn Led, tiết kiệm điện năng tiêu thụ nhưng vẫn đảm bảo các yêu cầu về chiếu sáng. Độ rọi, độ chói theo tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam_ thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị QCVN 07-7:2016/BXD.

5. Hạ tầng viễn thông thụ động:

5.1. Định hướng phát triển hệ thống:

- Xu hướng phát triển Viễn thông của huyện phải đồng bộ với các hệ thống hạ tầng khác. Hệ thống công nghệ, hạ tầng, mật độ thuê bao... phù hợp với sự phát triển chung của tỉnh Ninh Thuận và của cả nước.
- Về công nghệ: công nghệ viễn thông đang phát triển theo tiến bộ mới, cho phép các nhà cung cấp dịch vụ nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Mạng điện thoại dịch vụ công cộng và mạng số liệu sẽ phát triển hội tụ về mạng thế hệ sau.
- Chuyên mạch quang sẽ được sử dụng rộng rãi đến tận thuê bao.

5.2. Hệ thống chuyển mạch : (Hệ thống tổng đài điều khiển và tổng đài vệ tinh)

- Phân bố căn cứ kết quả dự báo nhu cầu và một số nguyên tắc khác như: Địa hình khu vực; Mật độ thuê bao trong khu vực; Hướng tuyến thuận lợi phát triển mạng trong khu vực.
- Giai đoạn đến 2030: Nâng cấp củng cố hệ thống Cáp quang đến tất cả các trung tâm các xã, thôn hiện có.
- Giai đoạn 2030 – 2050:
 - + Phát triển mạng truyền dẫn quang theo mô hình mạng NGN đa dịch vụ.
 - + Xây dựng, phát triển mạng truyền dẫn cáp quang đến từng thuê bao.
 - + Nâng cấp dung lượng các tuyến truyền dẫn: tuyến truyền dẫn nội tỉnh 40Gbps, tuyến vòng Ring chính 100Gbps.
 - + Đến năm 2050, xây dựng tuyến cáp quang đến 100% các hộ dân thuê bao; đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng các dịch vụ của người dân.

5.3. Hệ thống truyền dẫn:

- Chủ yếu do Tổng công ty Viễn thông Việt Nam-VNPT, Công ty Viễn thông quân đội (Viettel), Công ty viễn thông điện lực (EVN) đầu tư xây dựng, quản lý và sử dụng, các doanh nghiệp khác thuê lại đường truyền hoặc trao đổi hạ tầng mạng.
- Mạng truyền dẫn hiện tại đã phát triển đến cấp xã, thôn chủ yếu sử dụng các điểm rẽ trên RING nội tỉnh và các tuyến quang nhánh. Trên địa bàn tỉnh và huyện mạng cáp quang đã được xây dựng đến hầu hết các xã, đảm bảo nhu cầu sử dụng các dịch vụ băng rộng của người dân.

5.4. Hệ thống mạng ngoại vi:

- Cơ sở hạ tầng mạng ngoại vi về cơ bản bao gồm: Hệ thống công bề cáp; Hệ thống cột treo cáp; Hệ thống cáp đồng, cáp quang; Hệ thống tủ, hộp cáp.

- Xu hướng sử dụng chung cơ sở hạ tầng mạng ngoại vi là xu hướng tất yếu để đảm bảo tiết kiệm nguồn vốn đầu tư và đảm bảo mỹ quan đô thị.
- Sử dụng chung hạ tầng giữa các doanh nghiệp trong ngành: các doanh nghiệp viễn thông cùng đầu tư xây dựng hạ tầng hệ thống công bề, cột treo cáp; hào, tuynen. Quá trình thực hiện ngầm hóa triển khai đồng bộ với xây dựng cơ sở hạ tầng các ngành (giao thông, đô thị, xây dựng, cấp điện, cấp nước...)
- Sử dụng chung hạ tầng giữa các doanh nghiệp ngoài ngành: xu hướng này trong giai đoạn tới sẽ phát triển mạnh nhằm xây dựng phát triển hạ tầng mạng ngoại vi đồng bộ với quá trình phát triển hạ tầng kinh tế xã hội. Kết hợp xây dựng, sử dụng chung hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm với các ngành: điện lực, cấp thoát nước, truyền hình cáp...
- Tại những khu vực chưa đủ điều kiện thực hiện ngầm hóa, tiến hành cải tạo hạ tầng mạng cáp ngoại vi (buộc gọn hệ thống dây cáp...) đảm bảo mỹ quan đô thị.
- Tại những khu vực xây dựng mới hạ tầng mạng cáp ngoại vi (khu dân cư, khu đô thị mới, tuyến đường mới xây dựng...) thực hiện ngầm hóa toàn bộ hạ tầng mạng cáp ngoại vi tới thuê bao, cụm thuê bao.
- Tại những khu vực mạng cáp ngoại vi đã được xây dựng từ trước: thực hiện ngầm hóa mạng cáp ngoại vi đến hệ thống tủ cáp trên các tuyến đường, tuyến phố, khu dân cư (ngầm hóa tới thuê bao tại các khu vực trung tâm, khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan), cải tạo hệ thống mạng cáp ngoại vi đảm bảo mỹ quan đô thị. Lập kế hoạch ngầm hóa, cải tạo hạ tầng mạng cáp ngoại vi trên địa bàn tỉnh trong từng giai đoạn cụ thể và công bố công khai, làm cơ sở cho các doanh nghiệp triển khai thực hiện đồng bộ với quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng các ngành khác.
- Khu vực nông thôn: cải tạo mạng cáp ngoại vi, rút ngắn cự ly cáp phục vụ, ngầm hóa mạng cáp ngoại vi trên các tuyến truyền dẫn chính, tuyến đường trục, khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan. Lập kế hoạch ngầm hóa, cải tạo hạ tầng mạng cáp ngoại vi trong từng giai đoạn cụ thể và công bố công khai, làm cơ sở cho các doanh nghiệp triển khai thực hiện.
- Tại một số khu vực đã thực hiện ngầm hóa, các doanh nghiệp muốn tham gia cung cấp dịch vụ; phối hợp, đàm phán với doanh nghiệp đã thực hiện ngầm hóa để thuê hạ tầng.

5.5. Mạng di động:

- Thông tin di động phát triển theo hướng mở rộng vùng phủ sóng, khắc phục các điểm lốm sóng bằng cách tăng thêm các vị trí phát sóng, tăng máy thu phát tại các trạm đã lắp đặt để nâng cao chất lượng phục vụ mạng.
- Phát triển hệ thống cột ăng ten thu phát sóng nguy trang có quy mô, kích thước nhỏ gọn, thân thiện môi trường, sử dụng vật tư, trang thiết bị hiện đại, tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí đầu tư. Chủ chương dùng chung hạ tầng giữa các doanh nghiệp.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ: tăng băng thông cho mỗi thuê bao qua việc triển khai các ăng-ten cỡ nhỏ khắp mọi nơi.
- Phát triển hệ thống ăng ten cột thu phát sóng theo công nghệ đa tần: một ăng ten có thể thu phát trên nhiều dải tần khác nhau để tiết kiệm chi phí.

5.6. Công nghệ thông tin (CNTT):

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp và một số các đơn vị sự nghiệp làm cơ sở triển khai Chính phủ điện tử.
- Công nghệ mạng thế hệ tiếp theo (Next Generation Networks - NGN), Công nghệ WiMax, Công nghệ 3G/4G đặc biệt xu hướng mạng 5G được khuyến khích và Mobile Internet sẽ là công nghệ chủ yếu được khai thác trong những năm tiếp theo.

5.7. Hệ thống bưu chính:

- Về cơ bản, mạng lưới bưu cục vẫn được tổ chức theo 3 cấp như hiện nay. Các bưu cục cấp và mạng lưới các điểm bưu điện văn hóa xã, thị trấn.
- Mở rộng mạng lưới điểm phục vụ bằng các đại lý bưu điện, đại lý đa dịch vụ và kiốt tại các điểm dân cư đô thị và các tại vùng nông thôn.

6. Hệ thống thoát nước thải, quản lý chất thải rắn:

- Đối với hệ thống nước thải sinh hoạt:
 - + Đối với các đô thị mới: Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng, bố trí các trạm xử lý. Nước thải sau xử lý đảm bảo QCVN14:2008/BTNMT nước thải sinh hoạt trước khi xả ra môi trường.
 - + Đối với khu vực dân cư nông thôn: Khuyến khích và hướng dẫn người dân sử dụng hố xí tự hoại.
- Đối với hệ thống nước thải công nghiệp:
 - + Nước thải các khu công nghiệp phải được xử lý tại trạm xử lý nước thải công nghiệp đạt tiêu chuẩn loại bảo QCVN40:2011/BTNMT nước thải công nghiệp trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.
 - + Các khu công nghiệp được xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải theo giai đoạn, công suất trạm xử lý của từng giai đoạn phù hợp với nhu cầu đầu tư của khu công nghiệp đảm bảo 100% lượng nước thải được thu gom và xử lý.
- Thu gom và xử lý chất thải rắn:
 - + Chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị, công nghiệp thông thường sẽ được thu gom và đưa về khu xử lý chất thải rắn phía Bắc do công ty TNHH Xây dựng – Thương mại sản xuất Nam Thành đầu tư, với công suất dự kiến 300-600 tấn/ngđ; công nghệ dự kiến: tái chế chất thải rắn, sản xuất phân hữu cơ và chôn lấp hợp vệ sinh, và các công nghệ phù hợp.
 - + CTR sinh hoạt tại các cụm dân cư nông thôn: Tổ chức các đội thu gom chất thải rắn, các đội thu gom chất thải rắn có nhiệm vụ thu gom rác thải từ hộ gia đình, khu cụm dân cư nông thôn về điểm tập kết rác; xe chở rác thu gom rác từ điểm tập kết chuyển về chuyển về khu xử lý chất thải rắn phía Bắc do công ty TNHH Xây dựng – Thương mại sản xuất Nam Thành đầu tư.
 - + Chất thải rắn xây dựng: Sau khi đã thực hiện triệt để công tác phân loại, tái chế, tái sử dụng cũng như thu gom vận chuyển, CTR xây dựng không thể tận dụng có thể xử lý bằng phương pháp đốt hoặc đem chôn lấp tại bãi chôn lấp thông thường và một số công nghệ xử lý cho chất thải rắn sinh hoạt. CTR xây dựng không thể tận

- dụng sau quá trình phân loại, tái chế, tái sử dụng sẽ được xử lý tại các khu xử lý CTR Phía Bắc (Nam Thành).
- + Bùn thải: Bùn thải chủ yếu phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân. Bùn thải sinh học có mùi hôi thối song không độc hại. Có thể dùng để sản xuất phân hữu cơ bằng cách cho thêm vôi bột để khử chua; than bùn; cây vi sinh, dùng chế phẩm để khử mùi sẽ thành phân hữu cơ tổng hợp (trong đó bùn thải chiếm 70%). Bùn thải cũng có thể xử lý tại các bãi chôn lấp với ô chứa bùn. Bùn khô được sử dụng để chế biến phân hữu cơ hoặc làm chất phủ bề mặt cho bãi chôn lấp. Để chôn lấp, bùn thải khu vực đô thị sẽ được xử lý tại các khu xử lý CTR phía Bắc (Nam Thành).
 - + Chất thải rắn Khu công nghiệp: Đối với chất thải công nghiệp thông thường: chủ nguồn thải có trách nhiệm thu gom, vận chuyển hoặc hợp đồng với đơn vị đủ năng lực thu gom, vận chuyển về điểm thu gom, khu xử lý chất thải theo quy định; Đối với chất thải công nghiệp nguy hại: chủ nguồn thải có trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải nguy hại đạt tiêu chuẩn quy định (trường hợp chủ nguồn thải đủ điều kiện thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo quy định) hoặc hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định. Lượng chất thải rắn sau tái chế và tái sử dụng được hợp đồng với xe thu gom chất thải của thành phố tới bãi xử lý chất thải tập trung.
 - + Chất thải rắn y tế: Tổ chức quản lý, thu gom, phân loại, xử lý chất thải phát sinh trong các cơ sở y tế theo quy định. Chất thải rắn y tế được vận chuyển theo xe thu gom riêng tới lò đốt tập trung cho hệ thống bệnh viện hoặc vận chuyển đến nhà máy xử lý chất thải rắn nguy hại. Chất thải y tế nguy hại không xử lý được tại điểm xử lý chất thải của các cơ sở y tế, chất thải nguy hại nông nghiệp được vận chuyển về xử lý tập trung. Các chất có thể tái chế, tái sử dụng sẽ được khử khuẩn ban đầu bằng sục rửa hóa chất hoặc hơi nóng; Các chất thải nguy hại sau khi được thu gom, vận chuyển theo đúng quy trình, sẽ được chuyển về lò đốt tập trung sử dụng công nghệ hiện tại khu xử lý rác núi Chà Bang huyện Thuận Nam (Khu xử lý rác phía Nam); CTR thông thường sẽ được thu gom và chôn lấp hợp vệ sinh tại các BCL của địa phương.
- Quy hoạch nghĩa trang:
- + Quy hoạch nghĩa trang Núi Ông Ngải - xã Bắc Phong có diện tích 19 ha đáp ứng quy mô phát triển bao gồm cả khu đô thị Lợi Hải. Các xã có quy hoạch nghĩa trang tập trung của xã bao gồm xã Phước Chiến, Phước Kháng.
 - + Duy trì các nghĩa trang hiện trạng, đóng cửa hoặc di dời với các nghĩa trang trong khu vực phát triển đô thị hoặc không đảm bảo yêu cầu về môi trường.

PHẦN III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Phân công và quy định trách nhiệm quản lý:

1. UBND huyện Thuận Bắc có trách nhiệm:

- Căn cứ vào quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt, tổ chức lập và trình UBND tỉnh phê duyệt các quy hoạch chung đô thị; tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 theo thẩm quyền;
- Tổ chức chỉ đạo UBND các xã, thị trấn theo thẩm quyền được giao, quản lý chặt chẽ, toàn diện các hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, phát triển cải tạo và quản lý không gian kiến trúc cảnh quan theo đúng đồ án Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 và quy định quản lý đã được phê duyệt; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về công tác thực hiện theo quy hoạch.

2. Các Sở, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông; và các ban ngành có liên quan theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm triển khai thực hiện và quản lý nhà nước các lĩnh vực ngành theo quy định của nhà nước và quy định này.

3. Mọi tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng trong phạm vi của đồ án Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 có trách nhiệm thi hành quy định này.

Điều 11. Quy định này được ban hành và lưu trữ tại:

- Các Sở, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông;
- UBND huyện Thuận Bắc và các xã, thị trấn thuộc huyện Thuận Bắc ./.